

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST

Ngày 19 - 8 - 2024

V/v yêu cầu không công nhận
quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dư Văn Thanh

Ông Nguyễn Thành Tâm

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Đồ Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 113/2024/TLST-HNGĐ ngày 24/6/2024 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 412/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/7/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Đặng Thị Thúy D**, sinh năm 2002. Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Phước V**, sinh năm 1986. Địa chỉ: Số D, đường T, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 26/7/2024).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2024, nguyên đơn bà **Đặng Thị Thúy D** trình bày:

Bà **Đặng Thị Thúy D** và ông **Nguyễn Phước V** tự nguyện chung sống từ tháng 01/2020, không có đăng ký kết hôn. Sau thời gian chung sống, đến tháng 05/2022 bà và ông **V** phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp. Ông bà không còn chung sống từ tháng 05/2022 cho đến nay. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà **D** trình bày không có.

Bà Đặng Thị Thúy D yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Nguyễn Phước V là vợ chồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Phước V trình bày tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 26/7/2024 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/7/2024:

Ông Nguyễn Phước V thống nhất lời trình bày của bà Đặng Thị Thúy D về thời gian chung sống như vợ chồng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn và không có đăng ký kết hôn. Bà D yêu cầu Tòa án không công nhận ông và bà D là vợ chồng, ông V đồng ý. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có.

- Các tình tiết, sự kiện không cần chứng minh: Bị đơn ông V thừa nhận lời bà D trình bày là tự nguyện chung sống từ tháng 01/2020, không có đăng ký kết hôn. Căn cứ quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì những tình tiết, sự kiện nguyên đơn trình bày là các tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận không cần phải chứng minh.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng thủ tục đối với phiên tòa. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bà D và ông V chung sống như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận bà D và ông V là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung các đương sự trình bày không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Phước V vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông V thừa nhận tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 01 năm 2020 đến nay không có đăng ký kết hôn, chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 9, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.1] Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo*

quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.

[2.2] Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn: *1. N, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.*

[2.3] Tại phiên tòa, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà và ông V là vợ chồng, còn ông V có lời trình bày ông đồng ý ông và bà D không phải vợ chồng. Do bà D và ông V không có đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định “*Trong trường hợp không có đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*”. Căn cứ các quy định trên Hội đồng xét xử không công nhận bà D với ông V là vợ chồng.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà D và ông V xác định trong thời gian chung sống không có con chung, tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà D là người yêu cầu ly hôn, phải chịu số tiền 300.000 đồng theo quy định.

[5] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng có căn cứ pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị Thúy D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa bà Đặng Thị Thúy D và ông Nguyễn Phước V là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Đặng Thị Thúy D và ông Nguyễn Phước V trình bày không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đặng Thị Thúy D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Được khấu trừ vào tiền bà D đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001818 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, bà D nộp đủ tiền án phí.

5. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi Cục THADS TP Sóc Trăng;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Nam